



Phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng

Vũ Thị Nhung^{1*}, Phạm Ngọc Khuê²

¹Khoa Du lịch, Đại học Công nghệ Đông Á

²Khoa QLVH Nghệ thuật, ĐH Văn hoá Hà Nội

*Email: nhungvt@eaut.edu.vn

TÓM TẮT

Trong bối cảnh du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn toàn cầu, du lịch dựa vào thiên nhiên đang nổi lên như một hướng phát triển bền vững, góp phần bảo tồn sinh thái và nâng cao sinh kế cộng đồng. Bài viết tập trung đánh giá thực trạng phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng – một di sản thiên nhiên thế giới với hệ sinh thái phong phú và giá trị văn hóa – lịch sử đặc sắc. Dựa trên khảo sát 105 du khách và phân tích hồi quy tuyến tính, nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng chính và đề xuất ba nhóm giải pháp: tăng cường quảng bá, hoàn thiện hạ tầng phù hợp với du lịch sinh thái và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương.

Từ khóa: Khu bảo tồn; Vườn quốc gia; Du lịch dựa vào thiên nhiên;

ABSTRACT

In the context of tourism emerging as a key global economic sector, nature-based tourism is increasingly recognized as a sustainable development pathway, contributing to ecological conservation and improving local livelihoods. This paper evaluates the current status of nature-based tourism development in Phong Nha – Ke Bang National Park, a UNESCO World Heritage Site known for its rich biodiversity and cultural-historical values. Based on a survey of 105 visitors and linear regression analysis, the study identifies key influencing factors and proposes three solution groups: enhancing tourism promotion, improving infrastructure in line with ecological tourism, and strengthening the quality of local human resources.

Keywords: National Park; Nature-based Tourism; Nature Reserve;

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, du lịch đã vươn lên trở thành một ngành công nghiệp mũi nhọn với tác động kinh tế rõ nét. Đặc biệt, du lịch gắn với thiên nhiên (DLTN) nổi bật như một trong những xu hướng tăng trưởng nhanh và bền vững nhất hiện nay. DLTN đóng vai trò là nguồn thu quan trọng cho các quốc gia đón khách, đồng thời mang lại lợi

<https://doi.org/10.65153/hfxmx807>



ích tài chính trực tiếp cho các khu bảo tồn trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và duy trì đa dạng sinh học [7]. Nhiều quốc gia đã lựa chọn phát triển DLTN như một giải pháp tích hợp giữa bảo tồn thiên nhiên và tăng trưởng kinh tế - xã hội. Tại một số quốc gia như Úc và New Zealand, du lịch thiên nhiên đã trở thành một trong những nguồn thu ngoại tệ chính, thể hiện vai trò kinh tế quan trọng của loại hình này [8]. Bên cạnh đó, các hoạt động ngoài trời kết hợp trải nghiệm với thiên nhiên còn có tác dụng tích cực trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và khuyến khích sự tham gia của du khách vào các sáng kiến bảo tồn sinh thái.

Tại Việt Nam, du lịch dựa vào thiên nhiên đang ngày càng đóng vai trò trung tâm trong các chiến lược phát triển bền vững, không chỉ góp phần thúc đẩy ngành du lịch mà còn hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho những cộng đồng cư dân sống gần khu bảo tồn. Nhiều khu vực đã dần nhận thức rõ lợi ích kinh tế từ loại hình này, như việc thu hút tài chính phục vụ công tác bảo tồn hoặc tạo ra các sinh kế ổn định cho người dân địa phương [8].

Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, tọa lạc ở phía Tây Bắc tỉnh Quảng Bình, giáp biên giới Lào và trải dài qua hai huyện Minh Hóa và Bố Trạch, là một trong những ví dụ điển hình cho sự hình thành Karst và hệ thống hang động độc đáo. Sự đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, cùng với yếu tố lịch sử – văn hóa đã góp phần đưa nơi đây trở thành điểm đến được công nhận ở tầm quốc tế.

Tuy nhiên, tiềm năng du lịch sinh thái tại khu vực này vẫn chưa được khai thác đầy đủ, khiến lượng khách đến còn hạn chế so với năng lực và giá trị vốn có. Trong khi đó, nhiều khu bảo tồn trên thế giới đã và đang khai thác tốt các lợi ích mà du lịch dựa vào thiên nhiên mang lại, như tăng cường nguồn lực tài chính cho công tác quản lý, bảo tồn môi trường tự nhiên và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ đa dạng sinh học. Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu với chủ đề **“Phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng”** được lựa chọn nhằm phân tích rõ hơn về vấn đề này.

2. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

2.1. Khái niệm Vườn quốc gia

Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) xác định rằng vườn quốc gia là một trong bảy dạng khu bảo tồn thiên nhiên, được thành lập nhằm đạt được những mục tiêu quản lý cụ thể về bảo tồn và phát triển bền vững. Hệ thống phân loại này được giới thiệu chính thức vào năm 1992 với sự tham gia của các chuyên gia từ 181 quốc gia, nhằm thống nhất lại hơn 140 thuật ngữ khác nhau đang được sử dụng trên toàn thế giới để mô tả các dạng khu bảo tồn. Trong hệ thống của IUCN, vườn quốc gia được xếp vào nhóm II –



những khu vực chủ yếu được quản lý để bảo tồn hệ sinh thái kết hợp với các hoạt động tham quan và giải trí. Theo báo cáo của IUCN và UNEP, đến năm 2003, toàn cầu đã ghi nhận khoảng 2.881 vườn quốc gia, với tổng diện tích vượt mức 4,5 triệu km² [6].

Tại Việt Nam, hệ thống vườn quốc gia được phân loại thuộc nhóm rừng đặc dụng và được quy định rõ tại Điều 6 của văn bản hướng dẫn thi hành một số điều trong Luật Lâm nghiệp 2017 (Bộ NN&PTNT, 2029) [6]. Theo đó, để một khu vực được công nhận là vườn quốc gia, cần đáp ứng các tiêu chí cụ thể: (a) có hệ sinh thái đại diện ở cấp vùng, quốc gia hoặc quốc tế; chứa ít nhất một loài đặc hữu của Việt Nam hoặc từ năm loài trở lên thuộc nhóm nguy cấp, quý, hiếm; (b) có tiềm năng khoa học, giáo dục và giá trị cảnh quan phù hợp phát triển du lịch sinh thái; và (c) diện tích không dưới 7.000 ha, trong đó rừng tự nhiên chiếm tối thiểu 70%.

Nếu được quản lý hiệu quả và bền vững về môi trường, khu bảo tồn có thể trở thành nền tảng phát triển du lịch bền vững về kinh tế [1]. Tại Việt Nam, theo Tổng cục Lâm nghiệp [6], hiện có 166 khu bảo tồn thuộc hệ thống rừng đặc dụng, hệ thống rừng đặc dụng tại Việt Nam bao gồm: 31 vườn quốc gia, 58 khu dự trữ sinh quyển, 10 khu bảo tồn loài và sinh cảnh, 45 khu bảo vệ cảnh quan, cùng với 20 khu rừng phục vụ nghiên cứu – thực nghiệm. Tổng diện tích của các khu vực bảo tồn này vào khoảng 2.198.744 ha, chiếm khoảng 6,6% tổng diện tích đất liền cả nước. Tính đến năm 2021, số lượng vườn quốc gia đã tăng lên thành 34. Việc mở rộng mạng lưới bảo tồn không chỉ giúp tăng cường khả năng gìn giữ tài nguyên và đa dạng sinh học, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao đời sống kinh tế – xã hội tại các cộng đồng cư dân sinh sống gần khu bảo tồn [6].

2.2. Khái niệm về du lịch dựa vào thiên nhiên và phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên

Hiện nay, thuật ngữ “du lịch dựa vào thiên nhiên” thường được sử dụng như một khái niệm bao quát, thay thế cho nhiều cụm từ khác nhau trong các tài liệu học thuật và thực tiễn. Thuật ngữ này được sử dụng để mô tả các hoạt động du lịch diễn ra tại những khu vực thiên nhiên vẫn giữ được nét hoang sơ, hoặc có đặc điểm tự nhiên nổi bật và ít chịu tác động từ con người [10].

Một cách định nghĩa khác cho rằng đây là loại hình du lịch tập trung vào việc khám phá và trải nghiệm các khu vực tự nhiên còn nguyên sơ, chưa bị phát triển mạnh [4]. Phần lớn các hoạt động trong loại hình du lịch này thường diễn ra tại các khu bảo tồn thiên nhiên – những địa điểm thu hút lượng lớn khách du lịch. Du lịch dựa vào thiên nhiên bao gồm nhiều hình thức đa dạng như: hoạt động tiêu dùng tài nguyên (như săn bắn, câu cá giải trí); các loại hình giải trí ngoài trời, du lịch mạo hiểm; tham quan cảnh quan, địa chất,



hệ sinh thái động – thực vật; cũng như các hoạt động không tiêu dùng mang mục tiêu nghiên cứu và bảo tồn [8].

Từ mối quan hệ mật thiết giữa du lịch dựa vào thiên nhiên và phát triển bền vững, có thể nhận định rằng du lịch sinh thái là một loại hình du lịch gắn liền với hệ sinh thái tự nhiên đặc thù và giá trị văn hóa bản địa. Loại hình này hướng tới mục tiêu cân bằng giữa phát triển kinh tế ngành du lịch và việc quảng bá cảnh quan thiên nhiên quốc gia.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tài nguyên du lịch VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

3.1.1. Tài nguyên thiên nhiên

Phong Nha – Kẻ Bàng (PN-KB) là một trong 238 khu vực sinh thái có giá trị toàn cầu, nổi bật bởi địa hình núi đá vôi điển hình và cấu trúc địa chất đồng bộ. Đây là khu vực Karst lớn nhất ở Đông Nam Á, đồng thời mang ý nghĩa sinh thái và địa chất quan trọng trên quy mô quốc tế, với diện tích hơn 200.000 ha. Vườn quốc gia này sở hữu tài nguyên thiên nhiên dồi dào, bao gồm hệ sinh thái đa dạng, cảnh quan ấn tượng, nhiều loài động thực vật quý hiếm, cùng hệ thống hang động lớn mang nét đặc trưng riêng. Chính những yếu tố này đã tạo nên tiềm năng to lớn cho việc phát triển đa dạng các loại hình du lịch sinh thái như du lịch khám phá, thể thao mạo hiểm, trải nghiệm thiên nhiên và cả du lịch phục vụ nghiên cứu khoa học [6].

Với gần 1.000 hang động được ghi nhận và hơn 200 hang đã được khảo sát, Phong Nha – Kẻ Bàng nổi bật là một trong những khu vực có hệ thống hang động lớn và nguyên sơ bậc nhất thế giới. Chính sự đa dạng này đã giúp nơi đây được mệnh danh là "vương quốc của các hang động", thu hút sự quan tâm của cả giới khoa học và khách du lịch.

Các hang động nơi đây sở hữu nhiều đặc điểm độc đáo như: sông ngầm, cửa hang lớn, thạch nhũ kỳ ảo, hồ ngầm và cảnh quan đá vôi đặc sắc – đưa hệ thống này vào danh sách các kỳ quan tự nhiên nổi bật toàn cầu.

Không gian xung quanh được tạo nên từ các dòng sông như Chày, Troóc và Son, đan xen giữa những dãy núi đá vôi và rừng già, góp phần hình thành nên một khung cảnh thiên nhiên sống động.

Ngoài hang động, PN-KB còn có nhiều đỉnh núi cao trên 1.000m như Co Rilata và Co Preu – khu vực lý tưởng cho du lịch leo núi và khám phá. Các thung lũng như Mã Tác với diện tích hơn 70 ha mở ra tiềm năng phát triển du lịch sinh thái trải nghiệm.

Tháng 7/2003, UNESCO công nhận Phong Nha – Kẻ Bàng là Di sản Thiên nhiên Thế giới nhờ các giá trị địa chất và địa mạo đặc biệt.



Khu rừng nhiệt đới nguyên sinh tại đây có tỷ lệ che phủ lên tới 96,2%, chứa hơn 2.934 loài thực vật – bao gồm nhiều loài quý hiếm như chò đũi, trầm hương, lan hải đóm, bách xanh đá,...

Hệ động vật cũng rất phong phú với 140 loài thú (trong đó có hổ và bò tót), 356 loài chim, 150 loài bò sát – lưỡng cư, cùng hàng trăm loài cá và côn trùng, nhiều loài trong số đó thuộc Sách đỏ Việt Nam và thế giới.

Đặc biệt, khu vực này là nơi có mật độ linh trưởng cao nhất cả nước với 10 loài, chiếm khoảng 50% tổng số linh trưởng ở Việt Nam; trong đó 7 loài nằm trong Sách đỏ, điển hình là voọc Hà Tĩnh, sao la và mang lớn.

Vào năm 2004, các nhà nghiên cứu đã phát hiện ba loài bò sát đặc hữu tại khu vực này, gồm tắc kè Phong Nha, rắn lục Trường Sơn và rắn lục song. Nhờ hệ sinh thái đa dạng và giàu giá trị bảo tồn, đến tháng 7 năm 2015, Phong Nha – Kẻ Bàng tiếp tục được UNESCO vinh danh là Di sản Thiên nhiên Thế giới lần thứ hai, lần này là theo tiêu chí về đa dạng sinh học.

Với những giá trị đó, PN-KB được đánh giá là một trong những khu vực bảo tồn sinh học quan trọng bậc nhất ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Với vị trí nằm gần một khu bảo tồn rộng 200.000 ha trên dãy Trường Sơn, PN-KB góp phần tạo nên một hành lang sinh thái liên kết quan trọng, có ý nghĩa lớn trong công tác bảo tồn xuyên biên giới.

3.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, tuyến đường mòn Hồ Chí Minh đi qua Quảng Bình từng là khu vực giao tranh ác liệt, gắn liền với nhiều dấu mốc lịch sử quan trọng của quân và dân ta. Trong số bảy di tích trên tuyến đường này được công nhận là Di tích lịch sử quốc gia, có năm điểm nằm trong phạm vi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

Một số di tích nổi bật gồm: Khu Xuân Sơn – Phong Nha với bến phà nổi tiếng, các trọng điểm trên đường 20 Quyết Thắng như cua chữ A, ngầm Ta Lê, đèo Phu La Nhích; các địa danh quan trọng trên đường 12 như đèo Mụ Giạ, Cổng Trời, Cha Lo, Bãi Dinh; hệ thống hang động tại Hóa Thanh – Hóa Tiến từng là nơi đặt Sở chỉ huy của Binh đoàn 559; cùng Hang Tám Cô – nơi ghi dấu một sự kiện bi tráng trên tuyến đường chiến lược.

Bên cạnh đó, khu vực còn gìn giữ các công trình lịch sử – tâm linh như Hang Y tá và Đền Tiên sư Cốc Từ, góp phần làm phong phú thêm giá trị văn hóa và lịch sử của vùng đất Phong Nha – Kẻ Bàng.

3.2. Đặc điểm của khách du lịch qua điều tra bằng phiếu khảo sát

3.2.1. Đặc điểm của khách du lịch

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 110 du khách đến tham quan Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản nhằm đảm



bảo tính đại diện cho tổng thể nghiên cứu. Sau quá trình rà soát và loại bỏ các bảng khảo sát không hợp lệ, tổng cộng 105 phiếu đạt yêu cầu đã được sử dụng để tổng hợp và phân tích dữ liệu. Thông tin mô tả về nhóm đối tượng tham gia khảo sát được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Một số thông tin cơ bản của khách du lịch

Đặc điểm	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	41	39,05
	Nữ	64	60,95
Độ tuổi	<25	40	38,10
	26 – 35	34	32,38
	36 – 45	20	19,05
	>46	11	10,48
Trình độ học vấn	Tiểu học	3	2,86
	Trung học cơ sở	7	6,67
	Phổ thông trung học	14	13,33
	Trung cấp/cao đẳng	6	5,71
	Cử nhân/kỹ sư	60	57,14
	Sau đại học	15	14,29
Nghề nghiệp	Nghỉ hưu	4	3,81
	Doanh nghiệp tư nhân	9	8,57
	Nông nghiệp	6	5,71
	Tiểu thương	12	11,43
	Nội trợ	17	16,19
	Cán bộ nhà nước	17	16,19
	Sinh viên	21	20,00
	Công nhân	9	8,57
	Giáo viên/giảng viên/nhà nghiên cứu	10	9,52

(Nguồn: Tổng hợp điều tra của tác giả năm 2024)

Trong số 105 người được khảo sát, nam giới chiếm 61%, còn lại 39% là nữ giới. Về độ tuổi, phần lớn du khách thuộc nhóm dưới 35 tuổi, với tỷ lệ cao nhất (38,01%) thuộc nhóm dưới 25 tuổi. Về học vấn, đa số người tham gia có trình độ đại học, trong đó 57%



sở hữu bằng cử nhân hoặc kỹ sư. Xét theo nghề nghiệp, khoảng 16% là cán bộ nhà nước và tỷ lệ tương đương thuộc nhóm làm công việc nội trợ.

3.2.2. Phân tích nhân tố khám phá và xây dựng mô hình hồi quy

Dựa trên kết quả phân tích, mô hình hồi quy được thiết lập nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của ba nhóm nhân tố độc lập đến quá trình phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

Cụ thể, ba nhóm nhân tố độc lập được xác định bao gồm: (1) Khả năng tiếp cận và mức giá tại VQG PN-KB (KNTC), (2) Đặc điểm tự nhiên của khu vực (DDTN), và (3) Yếu tố văn hóa – xã hội tại địa phương (VHXH). Biến phụ thuộc trong mô hình là mức độ phát triển của du lịch dựa vào thiên nhiên tại VQG PN-KB (PTDLDVTN). Chi tiết kết quả của mô hình hồi quy được thể hiện tại Bảng 2 bên dưới.

Bảng 2. Kết quả hệ số hồi quy

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Thông kê đa cộng tuyến		
	B	Std. Error	Beta			Độ chấp nhận (Tolerance)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)	
1	(Constant)	0,614	0,249		3,667	0,000		
	VHXH	0,021	0,084	0,064	0,730	0,466	0,441	2,267
	KNTC	0,342	0,093	0,301	3,656	0,000	0,444	2,254
	DDTN	0,343	0,085	0,342	4,097	0,000	0,457	2,186

a. Dependent Variable: PTDLDVTN

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra năm 2024)

Dựa các hệ số hồi quy chuẩn hóa, mô hình hồi quy được hiểu diễn như sau:

$$PTDLDVTN = 0,301 \times KNTC + 0,342 \times DDTN$$

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy có hai nhân tố tác động tích cực đến sự phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Cụ thể, nhân tố Khả năng tiếp cận và giá cả tại VQG PN-KB có hệ số $\beta = 0.301$ với mức ý nghĩa Sig. < 0.001 , giải thích được 30,1% sự biến thiên của biến phụ thuộc (PTDLDVTN). Trong khi đó, nhân tố Đặc điểm tự nhiên của VQG PN-KB có hệ số $\beta = 0.342$, Sig. < 0.001 , chiếm tỷ lệ giải thích 34,2%.



Điều này cho thấy, trong số các yếu tố được đưa vào mô hình, Đặc điểm tự nhiên là yếu tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến sự phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại khu vực nghiên cứu.

3.3. Mối quan hệ giữa vai trò bảo tồn và phát triển du lịch tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng

Phong Nha – Kẻ Bàng (PN-KB) không chỉ là một khu bảo tồn thiên nhiên có giá trị nổi bật về sinh học và địa chất, mà còn được UNESCO hai lần công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Đồng thời, nơi đây cũng nằm trong mạng lưới các khu dự trữ sinh quyển quốc tế, phản ánh vai trò đặc biệt của PN-KB trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học toàn cầu. Chính vai trò "kép" này tạo nên một mối quan hệ cộng sinh giữa bảo tồn và phát triển – là nền tảng cũng như ràng buộc cho các hoạt động du lịch sinh thái tại khu vực.

Một mặt, tư cách Di sản và khu dự trữ sinh quyển mang lại lợi thế vượt trội cho phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên. Danh hiệu quốc tế giúp nâng cao uy tín điểm đến, thu hút khách du lịch có trách nhiệm và sự quan tâm của các tổ chức bảo tồn, nhà đầu tư chiến lược. Mặt khác, chính các giá trị này cũng tạo ra những yêu cầu nghiêm ngặt về bảo tồn, đòi hỏi mọi hoạt động du lịch, đầu tư hạ tầng hay phát triển sản phẩm phải tuân thủ tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và giữ nguyên giá trị cảnh quan – sinh thái theo quy định của UNESCO.

Mối quan hệ này vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với việc khai thác du lịch tại PN-KB. Các hoạt động du lịch nếu được định hướng đúng đắn, có thể trở thành công cụ hỗ trợ bảo tồn, thông qua việc nâng cao nhận thức cộng đồng, tạo nguồn thu cho công tác quản lý rừng, nghiên cứu, giáo dục môi trường và cải thiện sinh kế cho người dân địa phương. Ngược lại, nếu thiếu kiểm soát, các hoạt động khai thác quá mức sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến các tiêu chí Di sản, tiềm ẩn nguy cơ bị UNESCO cảnh báo hoặc rút danh hiệu.

Vì vậy, phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại PN-KB cần được đặt trong chiến lược cân bằng giữa khai thác và bảo tồn, kết hợp quy hoạch bền vững, cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường và các chính sách kiểm soát phù hợp với yêu cầu của Di sản thiên nhiên thế giới.

3.4. Thảo luận và giải đáp

Dựa trên phân tích điều kiện thực tế tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng (PN – KB) cùng với kết quả từ mô hình hồi quy tuyến tính, nghiên cứu cho thấy sự phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại khu vực này chịu tác động chính từ ba nhóm giải pháp cốt lõi. Bao gồm: (1) Đẩy mạnh công tác xúc tiến và quảng bá hình ảnh du lịch của VQG PN-



KB; (2) Cải thiện và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo hướng phù hợp với phát triển du lịch thiên nhiên; (3) Xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp phục vụ cho các hoạt động du lịch sinh thái.

Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất ba nhóm giải pháp cụ thể như sau:

(1) Giải pháp về xúc tiến và quảng bá hình ảnh du lịch VQG PN-KB

Một trong những định hướng trọng điểm trong hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là đẩy mạnh hợp tác với các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, đài phát thanh và truyền hình nhằm nâng cao mức độ nhận diện hình ảnh du lịch đến với công chúng. Song song đó, cần chú trọng đầu tư vào việc thiết kế và phát hành các ấn phẩm truyền thông như tờ rơi và tập gấp có tính thẩm mỹ cao, nội dung rõ ràng, cung cấp thông tin chi tiết về các điểm tham quan nổi bật của VQG PN-KB. Các tài liệu này nên được biên soạn tối thiểu bằng hai ngôn ngữ và phân phát miễn phí tại những địa điểm tập trung đông khách như bến xe, ga tàu, khách sạn, nhà hàng và quán cà phê.

Ngoài ra, cần chú trọng sản xuất các video quảng bá chuyên nghiệp với chất lượng hình ảnh sắc nét, kỹ thuật quay dựng sáng tạo và âm thanh sống động, nhằm tạo hiệu ứng cảm xúc tích cực và khơi gợi sự tò mò, mong muốn trải nghiệm của người xem. Nội dung các video nên tập trung giới thiệu những điểm đến đặc trưng, các tour du lịch tiêu biểu tại Phong Nha – Kẻ Bàng nói riêng và tỉnh Quảng Bình nói chung, từ đó góp phần nâng cao sức hút và mở rộng độ phủ sóng hình ảnh du lịch trên thị trường trong nước và quốc tế.

Một giải pháp quan trọng nhằm tăng hiệu quả quảng bá du lịch VQG Phong Nha – Kẻ Bàng là cải thiện các kênh truyền thông hiện có. Cần nâng cấp giao diện và nội dung các website chính thức như <http://www.quangbinhtourism.vn/> và <http://www.phongnhakebang.vn/> theo hướng thân thiện, trực quan và đa ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Trung). Nội dung cần cập nhật thường xuyên về sản phẩm du lịch, giá dịch vụ, ưu đãi và các phát hiện khoa học mới.

Bên cạnh đó, nên đẩy mạnh quảng bá qua mạng xã hội như Facebook, YouTube để tiếp cận nhanh, rộng và tiết kiệm chi phí.

Việc tổ chức, tham gia hội chợ, hội thảo, triển lãm, và các chương trình Famtrip giúp lan tỏa hình ảnh PN-KB và hình thành tour mới theo tuyến “Con đường Di sản miền Trung”. Đồng thời, nên thiết lập các văn phòng xúc tiến du lịch trong và ngoài nước để cung cấp thông tin, tư vấn tour và thu nhận phản hồi khách hàng.

Cuối cùng, cần tuyên truyền tới người dân địa phương về giá trị Di sản và lợi ích từ phát triển du lịch bền vững, thông qua hình thức truyền thông phù hợp với văn hóa và trình độ dân trí bản địa.



(2) Giải pháp về cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp với du lịch dựa vào thiên nhiên VQG PN-KB

Để thúc đẩy du lịch bền vững tại PN-KB, cần tập trung đầu tư có chọn lọc vào hệ thống hạ tầng, tránh phân tán nguồn lực gây lãng phí. Ưu tiên phát triển các công trình sử dụng năng lượng tái tạo.

Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia xây dựng các khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí và trung tâm thương mại phù hợp với quy hoạch phát triển địa phương. Việc phát triển trung tâm hội nghị và khách sạn có phòng họp sẽ tạo điều kiện mở rộng loại hình du lịch MICE, góp phần hạn chế tính mùa vụ.

Tất cả các dự án đầu tư cần tuân thủ nghiêm túc quy trình đánh giá tác động môi trường (EIA) và bám sát định hướng phát triển du lịch bền vững. Việc sử dụng vật liệu thân thiện môi trường và thiết kế phù hợp với cảnh quan tự nhiên, văn hóa địa phương cũng cần được đặt lên hàng đầu.

(3) Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch bền vững

Để bảo đảm sự phát triển bền vững cho du lịch dựa vào thiên nhiên tại Phong Nha – Kẻ Bàng, việc đầu tư vào nguồn nhân lực có vai trò quyết định. Trước tiên, cần ưu tiên đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý và giao tiếp, đặc biệt là khả năng sử dụng ngoại ngữ phù hợp với môi trường làm việc quốc tế trong lĩnh vực du lịch.

Ngoài ra, việc kiện toàn lực lượng nhân sự tại các cấp, nhất là ở Trung tâm giáo dục môi trường và dịch vụ – đơn vị đóng vai trò trung tâm trong quản lý và điều phối hoạt động du lịch sinh thái – cũng cần được chú trọng. Với các dịch vụ do đơn vị tổ chức, phải có đội ngũ đảm nhận rõ ràng từng vị trí như bán vé, lưu trú, nhà hàng, lưu niệm, vệ sinh và bảo trì cơ sở hạ tầng để đảm bảo chất lượng phục vụ và trải nghiệm du khách.

4. Kết luận

Du lịch dựa vào thiên nhiên ngày càng được đánh giá cao nhờ những đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Tại Việt Nam, các khu bảo tồn thiên nhiên, đặc biệt là hệ thống vườn quốc gia, đang tích cực khai thác những lợi ích mà loại hình du lịch này mang lại. Với lợi thế nổi bật về đa dạng sinh học, cảnh quan tự nhiên và nguồn lực con người, Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng đã và đang không ngừng nỗ lực thu hút khách du lịch, kêu gọi hợp tác đầu tư, phát triển các sản phẩm du lịch thiên nhiên, qua đó tạo ra nhiều giá trị kinh tế – xã hội bền vững.

Trên cơ sở phân tích thực trạng và kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất ba nhóm giải pháp trọng tâm nhằm thúc đẩy phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên tại VQG PN-



KB, bao gồm: (1) Tăng cường hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh du lịch; (2) Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch bền vững; và (3) Phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trong lĩnh vực du lịch sinh thái.

5. Ý nghĩa và đóng góp mới của nghiên cứu

Thông qua nghiên cứu này, tác giả kỳ vọng rằng kết quả đạt được sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của du lịch dựa vào thiên nhiên trong thời gian tới. Đồng thời, nghiên cứu cũng nhằm hướng tới việc xây dựng mô hình du lịch xanh mang tính bền vững, phù hợp với tinh thần và mục tiêu của hội thảo mà tác giả đã tham dự.

Hạn chế của nghiên cứu là đối tượng khảo sát mới chỉ tập trung vào nhóm du khách, chưa bao quát được các bên liên quan khác như chính quyền địa phương, doanh nghiệp du lịch, người dân địa phương và cán bộ Vườn quốc gia. Điều này phần nào ảnh hưởng đến độ sâu của phân tích và mức độ khái quát của các giải pháp đề xuất. Trong các nghiên cứu tiếp theo, tác giả định hướng sẽ mở rộng phạm vi khảo sát và kết hợp thêm phương pháp định tính (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm) để phản ánh đa dạng hơn các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLDVTN tại Phong Nha – Kẻ Bàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hợp. Giải pháp quản lý và khai thác du lịch sinh thái ở các vườn quốc gia Việt Nam theo hướng phát triển bền vững (Nghiên cứu điển: Vườn quốc gia Cúc Phương). Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014.
2. IUCN Việt Nam. Hướng dẫn quản lý khu bảo tồn thiên nhiên. Hà Nội: IUCN, 2008.
3. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Luật Du lịch năm 2017 (Ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2017). Hà Nội: Văn phòng Quốc hội, 2017.
4. Phạm Trung Lương. Du lịch sinh thái – Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục, 2007.
5. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 1976/QĐ-TTg về phê duyệt quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hà Nội, 2014.
6. Hoàng Lân. “Khai thác du lịch tại các vườn quốc gia: Phát triển đi đôi với bảo tồn.” Báo Hà Nội Mới, 2020. <http://www.hanoimoi.com.vn/ban-in/Du-lich/983539/khai-thac-du-lich-tai-cac-vuon-quoc-gia-phat-trien-di-doi-voi-bao-ton>.
7. Balmford, Andrew, James M. H. Green, Matt Anderson, Julia Beresford, et al. “Walk on the Wild Side: Estimating the Global Magnitude of Visits to Protected Areas.” PLoS Biology 13, no. 2 (2015): e1002074. <https://doi.org/10.1371/journal.pbio.1002074>.



8. Le, Tu Anh, Jacek Markowski, Marta Bartos, Andrzej Rzenca, and Patryk Namiecinski. “An Evaluation of Destination Attractiveness for Nature-Based Tourism: Recommendations for the Management of National Parks in Vietnam.” *Sustainability* 11, no. 18 (2019): 4993. <https://doi.org/10.3390/su11184993>.

9. Schild, Richard. “Civic Recreation: Outdoor Recreationists as Advocates, Stewards, and Managers of Natural Resources.” *Environmental Management* 63 (2019): 629–646. <https://doi.org/10.1007/s00267-019-01150-y>.

10. Dybsand, Helene N. H. “In the Absence of a Main Attraction – Perspectives from Polar Bear Watching Tourism Participants.” *Tourism Management* 79 (2020): 104097. <https://doi.org/10.1016/j.tourman.2020.104097>.